

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-PT
Ngày: 16-4-2018
V/v “Tranh chấp về di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn

Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị X1 - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp về di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82a/2017/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: xóm Bắ, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao Tr - Luật sư Văn phòng luật sư Tr- Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng X1, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: xóm Bắ, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: xóm Nam Thịnh, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: xóm Chùa 2, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: xóm Bắ, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nguyễn Trọng B1, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: xóm Bắ, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Hoàng Thị S1, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: xóm Mới, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: xóm Mới, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H2: bà Hoàng Thị S1, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: xóm Mới, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 5 năm 2017); vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ủy ban nhân dân huyện NL;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến D1, chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện NL.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phùng Ngọc Tú, sinh năm 1983; chức vụ: phó Giám đốc ban quản lý dự án huyện NL (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 3 năm 2018); vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng, sinh năm 1933, địa chỉ cư trú: xóm Ròng, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Đại Quang, sinh năm 1941, địa chỉ cư trú: xóm Nam Thịnh, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Hoàng X1 Cừ, sinh năm 1947, địa chỉ cư trú: xóm Kim Liên, thị trấn Quán Hành, huyện NL, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trọng X1 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2016 và quá trình xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị M1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M1 trình bày:*

Cụ Nguyễn Trọng Miềng (tên thường gọi Nguyễn Trọng X1) và cụ Võ Thị Bường có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Trọng X1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Thành, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị Th1. Bà Thành chết năm 1988, có chồng là ông Nguyễn Đậu X1 chết năm 2006. Bà Thành lấy ông Nguyễn Đậu X1 không có con. Sau khi bà Thành chết, ông Nguyễn Đậu X1 lấy bà Hoàng Thị S1 và có 01 con chung là Nguyễn Văn H2.

Cụ Miềng chết năm 1987, cụ Bường chết năm 2008 và đều không để lại di chúc. Di sản của cụ Miềng và cụ Bường để lại là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1050 m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân xã NT cấp năm 1975 mang tên Nguyễn Trọng X1 (tức là cụ Miềng) nH1 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này Nhà nước đã thu hồi để thực hiện dự án Tổng kho xăng dầu ĐKC và có phương án bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 1.567.125.000 đồng. Tuy nhiên do ông Nguyễn Trọng X1 tự ý đi kê khai để nhận số tiền trên nên bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Th1 đã làm đơn khiếu nại. Ngày 13/3/2017 Ủy ban nhân dân huyện NL đã có Quyết định hủy bỏ phương án, hỗ trợ bồi thường đối với thửa đất trên (số tiền 1.567.125.000 đồng hiện Nhà nước đang quản lý); ngoài ra, cụ Miềng và cụ Bường còn có thửa đất số 375, tờ bản đồ số 03 có diện tích 88,2 m² và tài sản gắn liền trên đất tại xóm Bẩn, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An.

Tại sổ mục kê của xã NT lập năm 2002 thì thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01 tại xóm Tân Long, xã NT được chia thành 3 thửa gồm thửa 16A mang tên Võ Thị Bường; thửa 16B mang tên Nguyễn Trọng X1 và thửa 16C mang tên Nguyễn Trọng B1. Nguyên đơn khẳng định, thửa đất đó vẫn thuộc quyền sử dụng của chủ sử dụng mang tên Nguyễn Trọng X1 như trong “Giấy tạm cấp quyền sở hữu ruộng đất” ngày 01/01/1975, từ thời điểm đó đến nay chưa tặng cho, chuyển nhượng hay làm thủ tục tách thửa. Việc trong sổ mục kê có sự tách thửa mang tên 03 chủ sử dụng, bà hoàn toàn không biết. Vì vậy, bà M1 đề nghị Tòa án phân chia tài sản thừa kế của cụ Miềng và cụ Bường đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1050 m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An theo giá trị số tiền Nhà nước hỗ trợ, bồi thường là 1.567.125.000 đồng cho 04 người gồm: Ông Nguyễn Trọng X1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị Th1.

Đối với thửa đất số 375, tờ bản đồ số 03 có diện tích 88,2 m² và tài sản gắn liền trên đất tại xóm Bẩn, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An đã được ủy ban nhân dân

huyện NL, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, mang tên Nguyễn Trọng X1, bà M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị M1 cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ để chứng minh gồm: Giấy tạm cấp quyền sở hữu ruộng đất ngày 01/01/1975; sơ yếu lý lịch đảng viên của cụ Nguyễn Trọng Miềng và giấy chứng nhận của bà Võ Thị Huê ngày 05/6/2016.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và ông Nguyễn Trọng X1 trình bày:*

Ông Nguyễn Trọng X1 thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị M1 về quan hệ hôn nhân, huyết thống, ngày cha chết, ngày mẹ chết; cha mẹ chết đều không để lại di chúc, việc tách thửa trong sổ mục kê năm 2002, việc Nhà nước thu hồi đất, số tiền hỗ trợ, bồi thường và việc ủy ban nhân dân huyện NL ban hành Quyết định hủy bỏ phương án bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất bị thu hồi; không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thửa đất số 375, tờ bản đồ số 03 có diện tích 88,2 m² và tài sản gắn liền trên đất tại xóm Bẩn, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trọng X1 và ông X1 không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do: Cha của ông X1 tên là Nguyễn Trọng Miềng, có tên gọi khác là cụ X1 chứ không pH2 là Nguyễn Trọng X1. Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1050 m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An không pH2 là di sản thừa kế của cụ Miềng và cụ Bường để lại. Trong “Giấy tạm cấp quyền sở hữu ruộng đất” đề ngày 01/01/1975, ủy ban nhân dân xã NT đã ghi cấp đất ở cho ông Nguyễn Trọng X1 có nghĩa là cấp cho ông X1 (con trai cụ Miềng) chứ không pH2 cấp cho cụ Miềng.

Ông X1 cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ để chứng minh thửa đất trên do Ủy ban nhân dân xã NT cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Trọng X1 (con trai cụ Miềng) và bà Lê Thị H1 gồm: Giấy đăng ký kết hôn của ông X1 và bà H1 năm 1974; sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Nguyễn Trọng X1; thẻ hội viên và Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng X1; giấy tạm cấp quyền sở hữu ruộng đất ngày 01/01/1975; biên lai thu tiền thuế sử dụng đất do ông X1 nộp năm 2013; bản ảnh chụp bia mộ của cụ Miềng ghi: “Nguyễn Trọng Miềng, mất: 27-12-1987”. Vì vậy, ông X1 không đồng ý chia thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị Th1 trình bày:* Bà T1, bà Th1 thống nhất như lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 và anh Nguyễn Trọng B1 trình bày: Bà H1, anh B1 thống nhất như ý kiến của bị đơn.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị S1, anh Nguyễn Văn H2 trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1050 m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An, bà S1 và anh H2 không biết. Bà S1, anh H2 từ chối nhận di sản thừa kế; đối với thửa đất số 375, tờ bản đồ số 03 có diện tích 88,2 m² và tài sản gắn liền trên đất tại xóm Bẩn, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An, bà S1, anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy ban nhân dân huyện NL, ông Phùng Ngọc Tú trình bày:*

Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1050 m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An, Nhà nước đã thu hồi để thực hiện dự án Tổng kho xăng dầu ĐKC. ủy ban nhân dân huyện NL đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Trọng X1 (con trai cụ Nguyễn Trọng Miềng). Tuy nhiên, do có tranh chấp giữa các con của cụ Miềng nên ủy ban nhân dân huyện NL đã hủy bỏ phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông X1. Số tiền bồi thường, hỗ trợ 1.567.125.000 đồng đối với thửa đất trên không thay đổi và hiện đang thuộc Ngân sách Nhà nước quản lý, ủy ban nhân dân huyện NL sẽ chi trả số tiền trên theo kết quả giải quyết của Tòa án.

Tại Bản án số 16/2017/DS-ST ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng Điều 609, Điều 611, Điều 613, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 658, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An theo giá trị Nhà nước bồi thường, hỗ trợ là 1.567.125.000 đồng của bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Th1.

Bà Lê Thị H1 được trích chia công sức đóng góp số tiền là 33.562.500 đồng tại Ban quản lý dự án huyện NL thuộc Ủy ban nhân dân huyện NL, tỉnh Nghệ An.

Ông Nguyễn Trọng X1 được trích chia công sức đóng góp số tiền là 33.562.500 đồng và được hưởng di sản thừa kế số tiền 375.000.000 đồng, tổng cộng 408.562.500 đồng tại Ban quản lý dự án huyện NL thuộc Ủy ban nhân dân huyện NL, tỉnh Nghệ An.

Bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Th1 mỗi người được hưởng di sản thừa kế số tiền là 375.000.000 đồng tại Ban quản lý dự án huyện NL thuộc Ủy ban nhân dân huyện NL, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2017, ông Nguyễn Trọng X1 làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để đảm bảo quyền lợi cho ông.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trọng X1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trọng X1, sửa án sơ thẩm về án phí và sửa cách tuyên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2017 bị đơn ông Nguyễn Trọng X1 làm đơn kháng cáo. Nội dung, hình thức và thời hạn nộp đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của ông Nguyễn Trọng X1 là hợp lệ. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Hoàng Thị S1, anh Nguyễn Văn H2, ủy ban nhân dân huyện NL nH1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trọng X1, ông X1 cho rằng: Nguồn gốc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An là do ủy ban nhân dân xã NT cấp cho ông nên thuộc quyền sử dụng của ông chứ không phải của bố ông là cụ Nguyễn Trọng Miêng. Do đó ông không nhất trí thửa đất đó là di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại để chia cho ông và các em của ông. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để đảm bảo quyền lợi cho ông. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự, người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Về nguồn gốc thửa đất, ngày 01/01/1975 Ủy ban nhân dân xã NT có giấy tạm cấp quyền sở hữu ruộng đất cho ông Nguyễn Trọng X1 xóm Bẩn, xã NT, NL. Với

nội dung: "Nay ủy ban quyết định cho mảnh đất số 3 để anh X1 khai thác đất ở với diện tích dài 30m (ba chục), rộng 35m (ba lăm), cách mảnh đất anh Vũ Hữu Minh 1 m chiều rộng để làm đường trừ đường đi 3 mét". Người ký thay mặt ủy ban hành chính xã là bà Võ Thị Huê.

Trong hồ sơ tại bút lục số 37, giấy chứng nhận của bà Võ Thị Huê đề ngày 05/6/2016 xác nhận: Năm 1974 - 1975 bà Huê làm ủy viên ủy ban xã NT, được phân công làm chánh văn phòng ủy ban nhân dân xã. Thời kỳ đó chủ trương của Đảng ủy - Ủy ban nhân dân dậm dân ra tại khu vực bãi hoang - Cửa Lộ và sau núi Chùa. Khi đó vận động dân rất khó khăn nên Đảng ủy động viên đảng viên pH2 gương mẫu đầu tàu. Đồng chí Vũ Hữu Minh và đồng chí Nguyễn Trọng X1 tức là Miềng có làm đơn xin đất đầu tiên. Thường trực ủy ban nhân dân họp và quyết định cấp cho ông Minh và ông X1 (Miềng) một người một lô đất về phía giếng Tra. Giấy cấp đất do bà Võ Thị Huê ký vào tháng 01/1975.

Tại bút lục số 113, báo cáo của ủy ban nhân dân xã NT về kết quả kiểm tra, xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Trọng X1 xóm Bần, xã NT. Kết luận thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, xóm Tân Long, thửa đất có nguồn gốc do ủy ban nhân dân xã NT cấp ngày 01/01/1975 cho ông Nguyễn Trọng X1 tức ông Nguyễn Trọng Miềng. Tại bút lục số 177, văn bản xác nhận nguồn gốc đất của ủy ban nhân dân xã NT thống nhất xác định: Nguồn gốc sử dụng đất, thửa đất hình thành năm 1975 do ủy ban nhân dân xã NT cấp cho ông Nguyễn Trọng X1 (Nguyễn Trọng Miềng) sử dụng ổn định liên tục đến nay.

Tại các bút lục số 225, 227 biên bản ghi lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Văn Tứ, lúc đó là Bí thư Đảng bộ xã NT, bà Võ Thị Huê ủy viên ủy ban, chánh văn phòng ủy ban nhân dân xã NT đều khẳng định: Thửa đất đó cấp cho ông Nguyễn Trọng X1 tức ông Miềng chứ không pH2 cấp cho ông Nguyễn Trọng X1 con.

Tại các bút lục từ số 20 đến số 24 trong hồ sơ, sơ yếu lý lịch đảng viên của ông Nguyễn Trọng Miềng khai ngày 07/01/1975, có ghi họ và tên khai sinh Nguyễn Trọng Miềng, họ và tên đang dùng Nguyễn Trọng X1.

Theo phong tục tập quán tại địa phương xã NT, huyện NL thì thường lấy tên con đầu để gọi tên của cha, mẹ nên cụ Nguyễn Trọng Miềng còn có tên thường dùng là Nguyễn Trọng X1.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng X1 trình bày: Ông Vũ Hữu Minh và ông Vũ Hữu Cát là những người được cấp đất tại thời điểm đó đều cùng lứa tuổi với cha ông X1. Hiện nay ông Minh đã chết còn ông Cát đã chuyển đi sinh sống tại địa phương

khác hiện nay không biết ở đâu. Bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Lúc còn sống mẹ bà là cụ Võ Thị Bường có nói chuyện bà Th1 có nghe được nội dung: Đất pH2 tách thửa ra chứ để thế khó làm bìa. Nội dung này phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn Gơ tại bút lục số 237 trong hồ sơ. Ông Gơ trình bày: Ông làm cán bộ địa chính xã NT từ năm 1997 đến năm 2005. Năm 2002 ông lập sổ mục kê tại xã NT thì tại trang số 34 có ghi thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An được chia làm 03 thửa, thửa 16A mang tên Võ Thị Bường; Thửa 16B mang tên Nguyễn Trọng X1 và Thửa 16C mang tên Nguyễn Trọng B1. Lúc đó có đoàn đo đạc tại các xóm, gia đình ông X1 yêu cầu tách thành 03 thửa nH1 do các thửa đó nằm trong quy hoạch nên không tách được. Việc tách thửa mới kê khai chưa có cơ quan Nhà nước nào có thẩm quyền xác nhận. Như vậy việc tách thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An ông Nguyễn Trọng X1, anh Nguyễn Trọng B1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị T1, bà Lê Thị H1 đều không biết nH1 cụ Võ Thị Bường và ông Nguyễn Văn Gơ biết. Hiện nay cụ Bường và ông Gơ đều đã chết.

Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và các nội dung trình bày như trên có đủ cơ sở vững chắc khẳng định: Cụ Nguyễn Trọng Miềng (tên thường dùng Nguyễn Trọng X1) là đảng viên, cán bộ của ủy ban nhân dân xã NT, xã viên xí nghiệp đóng tàu thuyền Trung Kiên là chồng của cụ Võ Thị Bường và là cha đẻ của ông Nguyễn Trọng X1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Thành, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị T1. Nguồn gốc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An là do ủy ban nhân dân xã NT cấp cho cụ Nguyễn Trọng Miềng, tên thường dùng Nguyễn Trọng X1 vào ngày 01/01/1975. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An là di sản của cụ Nguyễn Trọng Miềng và cụ Võ Thị Bường để lại để chia cho các đồng thừa kế là có căn cứ. Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng X1 và bà Lê Thị H1 (vợ ông X1) không đưa ra được căn cứ gì khác để xác định nguồn gốc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An là do ủy ban nhân dân xã NT cấp cho ông. Đồng thời ông X1 đề nghị cho ông Nguyễn Thanh Hùng, ông Nguyễn Đại Quang, ông Hoàng X1 Cừ là những người làm chứng cho ông tham gia tố tụng tại phiên tòa. Những người làm chứng đều trình bày: Họ không tham gia trong Hội nghị của ủy ban hành chính xã NT họp ngày 03/12/1974 và đề nghị của xí nghiệp Trung Kiên về việc cấp đất cho ông Nguyễn Trọng X1. Những người làm chứng cho rằng: Nguồn gốc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An là cấp cho ông

Nguyễn Trọng X1 là X1 con chứ không p^{H2} cấp cho X1 cha, n^{H1} không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng X1.

Về người thừa kế và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, ông Nguyễn Trọng X1 không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận định: Cụ Nguyễn Trọng Miềng và cụ Võ Thị Bường có 05 người con là ông Nguyễn Trọng X1, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Thành, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị Th1. Bà Thành chết năm 1988, có chồng là ông Nguyễn Đậu X1 chết năm 2006. Bà Thành lấy ông Nguyễn Đậu X1 không có con. Sau khi bà Thành chết, ông Nguyễn Đậu X1 lấy bà Hoàng Thị S1 và có 01 con chung là Nguyễn Văn H2.

Theo quy định tại Điều 613, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế của cụ Miềng và cụ Bường được xác định như sau: Cụ Miềng chết năm 1987, khi cụ Miềng chết, bà Thành còn sống. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Miềng có 06 người, gồm: cụ Bường và 05 người con là ông X1, bà M1, bà Thành, bà T1 và bà Th1. Do vậy, phần di sản của cụ Miềng được chia theo luật được chia cho 06 người là cụ Bường, ông X1, bà M1, bà Thành, bà T1 và bà Th1. Bà Thành chết nên cụ Bường và ông Nguyễn Đậu X1 (chồng bà Thành) là người thuộc diện thừa kế chuyển tiếp của bà Thành đối với di sản thừa kế của cụ Miềng. Ông X1 chết nên bà S1, anh H2 là người thuộc diện thừa kế chuyển tiếp của ông X1 đối với di sản thừa kế của cụ Miềng. Do anh H2, bà S1 từ chối nhận di sản nên phần di sản của cụ Miềng được chia cho 05 người là cụ Bường, ông X1, bà M1, bà T1, bà Th1. Cụ Bường chết năm 2008. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bường có 04 người, gồm: ông X1, bà M1, bà T1, bà Th1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Miềng, cụ Bường để lại được chia thừa kế cho 04 người gồm: ông X1, bà M1, bà T1, bà Th1 và chia theo kỹ phần sau khi đã trích thanh toán công sức đóng góp, bảo quản di sản cho ông X1 và bà H1, cụ thể trích công sức đóng góp cho vợ chồng ông X1, bà H1 số tiền 67.125.000 đồng (mỗi người 33.562.500 đồng). Giá trị di sản thừa kế còn lại là 1.500.000.000 đồng chia đều 4 phần, kỹ phần ông X1, bà M1, bà T1, bà Th1 mỗi người được hưởng là: 375.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm xác định ủy ban nhân dân huyện NL là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan n^{H1} phần quyết định của Bản án lại tuyên nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan là bà H1, bà T1, bà Th1 được nhận số tiền trích công sức, hưởng di sản thừa kế tại Ban quản lý dự án huyện NL thuộc Ủy ban nhân dân huyện NL là không chính xác, cần sửa lại cách tuyên cho phù hợp. Đồng thời, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ

phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông Nguyễn Trọng X1 và bà Lê Thị H1 là người cao tuổi vì ông X1 sinh năm 1953 và bà H1 sinh năm 1955, tính đến nay đều trên 60 tuổi nên được miễn án phí nH1 Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, hướng dẫn cho đương sự làm các thủ tục để được miễn án phí mà buộc họ pH2 chịu án phí là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng X1 và bà Lê Thị H1 đều trình bày hoàn cảnh rất khó khăn, tuổi cao không tham gia lao động, sản xuất được nên xin miễn án phí. Do đó cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Trọng X1. Sửa Bản án sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông X1 và bà H1 như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của Ông Nguyễn Trọng X1 được chấp nhận một phần nên ông X1 không pH2 chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 609, Điều 611, Điều 613, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Trọng X1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Nghệ An về phần án phí và cách tuyên.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn Trọng Miêng (tên thường dùng Nguyễn Trọng X1) và cụ Võ Thị Bường đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.050m² tại xóm Tân Long, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An theo giá trị Nhà nước bồi thường, hỗ trợ là 1.567.125.000 (một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Trọng X1 được trích chia công sức đóng góp **vào việc bảo quản di sản** 33.562.500 đồng và được hưởng di sản thừa kế 375.000.000 đồng, tổng cộng 408.562.500 (bốn trăm linh tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Bà Lê Thị H1 được trích chia công sức đóng góp **vào việc bảo quản di sản** 33.562.500 (ba mươi ba triệu năm trăm sáu hai nghìn năm trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Th1 mỗi người được hưởng di sản thừa kế 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Ủy ban nhân dân huyện NL có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Trọng X1 số tiền 408.562.500 đồng, bà Lê Thị H1 33.562.500 đồng, bà Nguyễn Thị M1 375.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 375.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Th1 375.000.000 đồng, tổng cộng 1.567.125.000 (một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng X1 và bà Lê Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Trọng X1 không pH2 chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông X1 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004607 ngày 14/6/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh Nghệ An;

Bà Nguyễn Thị M1 pH2 chịu 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nH1 được trừ vào số tiền 4.700.000 (bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004430 ngày 15/11/2016 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh Nghệ An. Bà M1 còn pH2 nộp số tiền 14.050.000 (mười bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị Th1 mỗi người pH2 chịu 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nH1 được trừ vào số tiền 9.800.000 (chín triệu tám trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng phí mà các bà đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004397 và số 0004398 ngày 24/4/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện NL, tỉnh Nghệ An. Bà T1 và bà Th1 mỗi người còn pH2 nộp số tiền 8.950.000 (tám triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện NL;
- Chi Cục THADS huyện NL.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Quỳnh